UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ HỘ ĐỘ Số: 63/BC-UBND	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *Hộ Độ ngày 22 tháng 7 năm 2024*

Phụ lục 2: RÀ SOÁT SỐ LIỆU NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN NƯỚC LỢ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 (TÔM, CUA, CÁ)

TT	Họ tên	Địa chỉ	Tổng diện tích (ha)	Các đối tượng nuôi trong 6 tháng đầu năm 2024									Ghi chú
				DT nuôi tôm thẻ (ha)	Hình thức nuôi (thâm canh, bán thâm canh, quảng canh)	Sản lượng (tấn)	DT nuôi tôm sú (ha)	Sản lượng (tấn)	DT nuôi cua (ha)	Sản lượng (tấn)	DT nuôi cá (ha)	Sản lượng (tấn)	
1	Lê Thế Hòa	Hà Vooc, Tân Quý	5,400	5,400	5,400								
2	Nguyễn Văn Tranh	Hà Vooc, Tân Quý	10,000	10,000	10,000								
3	Trương Hữu Tuấn	Hà Vooc, Tân Quý	4,000	4,000	4,000								
4	Trương Quang Lộc	Hà Vooc, Tân Quý	21,000	15000	15000				3000		3000		
5	Trương Thị Tâm	Hà Vooc, Tân Quý	4,600	4,600	4,600								
6	Trương Quang Miên	Hà Vooc, Vĩnh Phú	4,000						2000		2000		
7	Lê Doãn Hải	Hà Vooc, Tân Quý	7,000		7,000								
8	Nguyễn Văn Đấu	Hà Vooc, Vĩnh Phú	20,000				10,000		5000		5000		
9	Nguyễn Văn Đa	Hà Vooc, Vĩnh Phú	12,000				6000		3000		3000		
10	Hoàng Hải Đường	Hà Vooc, Tân Quý	10,000	5000	5,000				2000		3000		
11	Trần Đình Định	Hà Vooc, Tân Quý	7,000	7,000	7,000								
12	Trần Đình Dung	Hà Vooc, Tân Quý	11,000	11,000	11,000								
13	Trương Hữu Tài	Hà Vooc, Tân Quý	5,000	5,000	5,000								
14	Lê Thế Liên	Hà Vooc, Tân Quý	10,000	10,000	10,000								
15	Lê Thế Vinh	Hà Vooc, Tân Quý	5,000	5,000	5,000								
16	Nguyễn Văn Tranh	Hà Vooc, Tân Quý	5,200	5,200	5,200								
17	Nguyễn Văn Hưởng	Hà Vooc, Tân Quý	15,000	15,000	15,000								

18	Trương Bá Khá	Hà Vooc, Vĩnh Phú	5,000	5,000	5,000								
19	Nguyễn Danh Thắng	Hà Vooc, Tân Quý	16,000				10,000		6000				
20	Nguyễn Danh Dũng	Hà Vooc, Tân Quý	12,000	12,000	12,000								
21	Đào Xuân Sơn	Hà Vooc, Tân Quý	14,000	8,000	8,000				3000		3000		
22	Trần Đình Tụ	Hà Vooc, Vĩnh Phú	2,500	2,500	2,500								
23	Nguyễn Văn Đức	Hà Vooc, Tân Quý	4,500	4,500	4,500								
24	Võ Thị Nga	Hà Vooc, Tân Quý	13,000	13,000	13,000								
25	Trương Quang Tài	Hà Vooc, Tân Quý	7,000	7,000	7,000								
26	Trương Bá Nhung	Hà Vooc, Tân Quý	2,500	2,500	2,500								
27	Nguyễn Doãn Chớn	Hà Vooc, vĩnh Phú	10,000				5000				5000		
28	Nguyễn Văn Doãn	Hà Vooc, Tân Quý	5,000		5,000								
29	Nguyễn Huy Tuấn	Hà Vooc, Tân Quý	7,000		7,000								
30	Trương Hữu Phú	Hà Vooc, Tân Quý	6,000		6,000								
31	Lê Thị Khuyên	Hà Vooc, Vĩnh Phú	20,000	10,000	10,000				3500		6500		
32	Nguyễn Danh Hà	Hà Vooc, Vĩnh Phú	15,000				10,000		5000				
33	Trương Bá Đại	Hà Vooc, Vĩnh Phú	6,000	6,000	6,000								
34	Trương khắc hường	Nam Hà, Hộ Độ	3,200		3,200								
35	Nguyễn Thị Hà	Nam Hà, Hộ Độ	1,500		1,500								
36	Trương Khắc Thuận	Nam Hà, Hộ Độ	1,800		1,800								
37	Trương Khắc Hồng	Nam Hà, Hộ Độ	2,100		2,100								
38	Trương Thị Cảnh	Nam Hà, Hộ Độ	2,500		2,500								
39	Trương Văn Thao	Nam Hà, Hộ Độ	1,500		1,500								
40	Trương Thị Bảo	Nam Hà, Hộ Độ	3,200		3,200								
41	Phan Đình Thắng	Bình Hà	10,000	10,000	10,000								
42	Trương Bá Khanh	Bình Hà	5,000	5,000	5,000								
43	Lê Văn Hạnh	Bình Hà	15,000	15,000	15,000								
44	Lê Văn Dương	Bình Hà	10,000	10,000	10,000								
45	Nguyễn Văn Doãn	Bình Hà	20,000	15,000	15,000	4.6					5000		
46	Nguyễn Thị Minh	Bình Hà	10,000	10,000	10,000								
47	Phan Đình Lượng	Bình Hà	20,000	20,000	20,000								
48	Nguyễn Đình Hùng	Bình Hà	10,000	10,000	10,000								

49	Lê Doãn Hùng	Bình Hà	5,000	5,000	5,000								
50	Phan Đình Diện	Bình Hà	21,000	21,000	21,000								
51	Nguyễn Ngọc Dũng	Bình Hà	5,000						3000		2000		
52	Nguyễn Danh Thông	Bình Hà	5,000	5,000	5,000								
53	Nguyễn Văn Mại	Bình Hà	40,000	20,000	20,000				10,000		10,000		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trương Văn Tý

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trương Bá Khanh

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ HỘ ĐỘ** Số: 63/BC-UBND	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hộ Độ, ngày 22 tháng 7 năm 2024*

Phụ lục 3: RÀ SOÁT SỐ LIỆU NUÔI TRỒNG NHUYỄN THỂ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

TT	**Tên cơ cở nuôi** (Hộ gia đình, Công ty, Hợp tác xã, Tổ hợp tác…)	**Địa chỉ** (Thôn/xóm; vùng nuôi)	**Tổng diện tích (m2)**	**Diện tích nuôi 6 tháng đầu năm 2024 (m2)**	**Đối tượng nuôi** (Nghêu/Ngao; Vẹm, Sò, Hàu, ốc hương…)	**Hình thức nuôi** (nuôi bãi; nuôi ao đối với ốc hương; nuôi giàn bè...)	**Ghi chú**
1	Trương Đình Thắng	Sông Hộ Độ	3ha	3ha	Nghêu, Hàu	Nuôi bãi	
2	Trương Đình Hạnh	Sông Hộ Độ	2ha	2ha	Nghêu, Hàu	Nuôi bãi	
3	Trương Đình Hoạt	Sông Hộ Độ	3ha	3ha	Nghêu, Hàu	Nuôi bãi	
4	Nguyễn Văn Khoa	Sông Hộ Độ	1ha	1ha	Nghêu, Hàu	Nuôi bãi	
5	Nguyễn Thị Thanh	Sông Hộ Độ	2h	2h	Nghêu, Hàu	Nuôi bãi	
6	Trương Bá Hợp	Sông Hộ Độ	2ha	2ha	Nghêu, Hàu	Nuôi bãi	

NGƯỜI LẬP BIỂU	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH**
Trương Văn Tý	**Trương Bá Khanh**